

Bản án số: 122/2024/DS - ST
Ngày: 25/6/2024
V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Tuyết

2/ Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 187/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S)

Trụ sở: Số 266-268 đường N, phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Ông Đặng Minh T1 (theo Giấy uỷ quyền số 512/2023/UQ-TGD ngày 26/09/2023)

Địa chỉ liên lạc: 244 đường S, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1979

Địa chỉ: 24 đường K, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2023, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Minh T1 trình bày:

Ngày 28 tháng 06 năm 2013, bà Trần Thị Ngọc T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 23.000.000 đồng, ngày 30/09/2016 Ngân hàng đồng ý nâng hạn mức sử dụng lên 28.000.000 đồng. Tới ngày 07 tháng 10 năm 2017 Ngân hàng đồng ý nâng tiếp hạn mức sử dụng lên 42.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Từ khi được cấp thẻ tín dụng JCB Credit Gold bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền trên Thẻ tín dụng: 327.891.496 đồng, Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ JCB Credit Gold đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền thẻ tín dụng là: 325.981.462 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 Nguyên tắc thanh toán của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân Hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 05/12/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ JCB Credit Gold của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà T, yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về thời gian để bà T trả nợ, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng S) kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

Buộc Bà Trần Thị Ngọc T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/6/2024 là 49.181.654 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu một trăm tám mươi một ngàn sáu trăm năm mươi bốn đồng) trong đó: Nợ gốc:

18.300.936 đồng, Lãi quá hạn: 30.880.718 đồng. Bà Trần Thị Ngọc T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn – Trần Thị Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến tòa làm việc trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 14/5/2024. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có bản tự khai và Tóm tắt sao kê xác định số nợ mà bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng S tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/6/2024 là 49.181.654 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu một trăm tám mươi một ngàn sáu trăm năm mươi bốn đồng) trong đó: Nợ gốc là 18.300.936 đồng, Lãi quá hạn: 30.880.718 đồng (tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc với lãi suất quá hạn là 3,9 %/tháng). Ngoài ra, bà Trần Thị Ngọc T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 26/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận N phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng S tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/6/2024 là 49.181.654 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu một trăm tám mươi một ngàn sáu trăm năm mươi bốn đồng) trong đó: Nợ gốc là 18.300.936 đồng, Lãi quá hạn: 30.880.718 đồng. Ngoài ra, bà Trần Thị Ngọc T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 26/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Án phí bà T chịu theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện, yêu cầu bà Trần Thị Ngọc T trả tiền nợ theo hợp đồng tín dụng thẻ. Trên hợp đồng thẻ ghi địa chỉ bị đơn tại số 24 đường K, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh của Công an Phường 13, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện “*Nhà 24 đường K, Phường B, Quận N là cửa hàng kinh doanh hàng hóa ngũ kim, không có nhân khẩu tên Trần Thị Ngọc T đăng ký thường trú, tạm trú hoặc thực tế cư trú ở lại*”. Tuy nhiên, khi thực hiện hợp đồng vay, bà T đã cung cấp sổ hộ khẩu thể hiện bà đang cư trú tại địa chỉ số 24 đường K, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho ngân hàng và tại hợp đồng tín dụng bà T cũng đã ghi địa chỉ trên vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Như vậy, bà T là người đang phải thực hiện quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng thẻ với Ngân hàng S nhưng cung cấp địa chỉ cư trú không đúng hoặc đã chuyển nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng S nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/7/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung và xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng S có đơn đề ngày 14/5/2024 đề nghị được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án. Bị đơn là bà Trần Thị Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét bà Trần Thị Ngọc T đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/6/2013, loại thẻ tín dụng JCB Credit Gold, với Ngân hàng S để vay khoản tiền là 23.000.000 đồng, Lãi suất áp dụng cho thẻ Visa là 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Tới ngày 07 tháng 10 năm 2017 Ngân hàng đồng ý nâng tiếp hạn mức sử dụng lên 42.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Theo Bản tóm tắt sao kê do Ngân hàng S nộp cho Tòa án ngày 25/6/2024, Hội đồng xét xử xác định bà T đã bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 05/8/2013. Số tiền

bà T đã giao dịch là 327.891.496 đồng. Số tiền bà T đã thanh toán là 325.981.462 đồng. Khoản tiền trên được thanh toán cho các khoản phí/lãi kỳ trước và trong kỳ, các giao dịch rút tiền mặt kỳ trước và trong kỳ, các giao dịch mua hàng hóa kỳ trước và trong kỳ theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 05/12/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, dư nợ tại thời điểm này là 18.300.936 đồng làm nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Việc bà T không thanh toán dư nợ thẻ tín dụng hàng tháng cho Ngân hàng S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng S.

Căn cứ vào bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng, bảng tóm tắt sao kê và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, có đủ cơ sở để chứng minh bà T đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng nêu trên, số tiền bà T thực hiện các giao dịch, số tiền đã thanh toán, bà T hiện còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 18.300.936 đồng

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà T trả số nợ gốc trên là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2] Về lãi suất: Căn cứ Quyết định số 2399/2019/QĐ -TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định mức lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng Visa là 2,6%/tháng, lãi quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn (3,9%/tháng).

Căn cứ vào Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S có thể hiện nội dung: *«Việc không thanh toán ít nhất Số Tiền Tối Thiểu của Chủ Thẻ cho đến kỳ phát hành Thông Báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp Đồng.....Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn Vị Phát Hành Thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau :.....- Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ. – Áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Đơn Vị Phát Hành Thẻ»*

Xét thấy, mức lãi suất trên do các bên tự nguyện thỏa thuận tại điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất trên có cơ sở để chấp nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà T trả số nợ lãi quá hạn 30.880.718 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.3] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà T đến tòa để trình bày ý kiến. Bà T không có mặt tại Tòa án để cho lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản tiền gốc, tiền lãi đã thanh toán và các khoản phí mà Ngân hàng S yêu cầu và vẫn vắng mặt được xem là bà T đã từ bỏ quyền trình bày, cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình trước tòa. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S với số nợ gốc, nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng S yêu cầu bà T phải trả.

[3.4] Từ các nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với khoản nợ của thẻ tín dụng của bà T với tổng số tiền (tạm tính đến ngày 25/6/2024) là 49.181.654 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu một trăm tám mươi một ngàn sáu trăm năm mươi bốn đồng) trong đó: Nợ gốc là 18.300.936 đồng, Lãi quá hạn: 30.880.718 đồng (tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc với lãi suất quá hạn là 3,9 %/tháng). Ngoài ra, bà Trần Thị Ngọc T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 26/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về thời hạn thanh toán: Từ tháng 12 năm 2020, bà T đã không thanh toán bất kì khoản tiền nào cho Ngân hàng S, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng S. Do vậy, cần buộc bà T thanh toán các khoản nợ làm một lần cho Ngân hàng S sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng S được chấp nhận nên bị đơn là bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S):

[1.1] Buộc bà Trần Thị Ngọc T phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 49.181.654 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu một trăm tám mươi một ngàn sáu trăm năm mươi bốn đồng) trong đó: Nợ gốc: 18.300.936 đồng (Mười tám triệu ba trăm ngàn chín trăm ba mươi sáu đồng), Lãi quá hạn: 30.880.718 đồng (Ba mươi triệu tám trăm tám mươi ngàn bảy trăm mười tám đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ngày 28/6/2013.

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[1.2]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1]. Bà Trần Thị Ngọc T chịu 2.459.083 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn không trăm tám mươi ba đồng).

[2.2]. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 1.055.867 đồng (Một triệu không trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0010881 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Trần Thị Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7,

7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thanh Trang

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.N;
- Chi cục THADS Q.N;
- Đường sự
- Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thanh Trang

